TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 248/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 05 - 6 - 2020.
Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Giang.
Bà Hoàng Thị Hòa.
- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Xuân Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 05/6/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 108/2020/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST– HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị L, sinh ngày 03/9/1988, giấy chứng minh nhân dân số 112300xxx do Công an tỉnh Hà Tây cấp ngày 22/02/2006.

Hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã NH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Thôn YK, xã PS, huyện BV, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Ngô Văn T, sinh ngày 08/02/1982, giấy chứng minh nhân dân số 012120xxx do Công an thành phố Hà Nội cấp.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn D, xã NH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị L và anh Ngô Văn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội ngày 27/10/2008. Sau khi kết hôn, anh chị ở chung với bố mẹ anh T tại Thôn D, xã NH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận đến tháng 9 năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T tự ý cầm hộ khẩu đi vay tiền Ngân hàng mà không bàn bạc với chị L dẫn đến vợ chồng cãi vã, xô xát, anh T đánh chị L khiến mọi người và mẹ anh T phải can ngăn.

Theo chị L trình bày: Sau khi vợ chồng xảy ra xô xát, anh chị lạnh nhạt với nhau, không nói chuyện được bình thường mà hay xảy ra cãi vã. Anh chị vẫn ăn chung nhưng không ngủ chung với nhau. Anh T đánh chị khi anh đòi quan hệ vợ chồng nhưng chị không đồng ý nên tháng 10 năm 2019 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở cho đến nay. Chị đi, bố mẹ anh T khuyên chị đã muộn nên đi lại không an toàn nhưng chị vẫn quyết tâm đi. Khoảng một tuần sau khi chị bỏ đi bố mẹ anh T và anh có đến nhà chị để nói chuyện đón chị về nhưng chị không đồng ý nên không về. Sau đó tháng 02 năm 2020 bố mẹ chị cũng có đến nhà anh T để nói về chuyện anh chị nhưng cũng không dàn xếp được vì chị không muốn. Anh T đã nhiều lần đón chị nhưng chị xác định không còn tình cảm với anh nên không về ở cùng anh T. Do vậy, chị xin ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Theo anh Ngô Văn T trình bày: Sau khi vợ chồng anh xảy ra xô xát tháng 9 năm 2019 vợ chồng anh vẫn chung sống bình thường. Anh chị ít nói chuyện với nhau là do anh là người ít nói nên không hay nói chuyện với chị L. Tháng 10 năm 2019 anh chị xảy ra xô xát là do chị L cắn anh tím tay khi anh muốn quan hệ vợ chồng nhưng chị không đồng ý. Khi chị L bỏ đi anh không biết nên không giữ chị ở lại. Nhưng sau khi chị bỏ đi một tuần, anh và bố mẹ anh đã đến gia đình chị để nói chuyện đón chị về nhưng chị không về. Ngoài ra, bố mẹ chị L, bố mẹ anh đã nhiều lần nói chuyện để hòa giải cho vợ chồng nhưng chị L không đồng ý về chung sống với anh. Bản thân anh đã nhiều lần đến gặp đón chị L về ở cùng anh nhưng chị không về. Chị L xin ly hôn anh không đồng ý vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn có thể hàn gắn được và anh chị còn có hai con nhỏ cần sự chăm sóc của bố mẹ. Tuy nhiên, anh không có phương án nào khác để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Anh chị thống nhất trình bày vợ chồng có hai con chung là: Ngô Bảo T, sinh ngày 25/12/2009 và Ngô Quỳnh A, sinh ngày 23/10/2012. Các cháu khỏe mạnh, bình thường và đang ở cùng anh T.

Chị Phùng Thị L xác định: Ly hôn, do điều kiện của chị ở BV chưa ổn định nên ly hôn chị để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung của anh chị và tự nguyện cấp dưỡng 1.500.000 đồng/1 tháng cho con. Chị đang làm nông nghiệp thu nhập bình quân 3.000.000 đồng/1 tháng.

Anh Ngô Văn T xác định: Anh không muốn ly hôn nhưng nếu phải ly hôn, anh trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung của anh chị và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Nếu chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/ 1 tháng, anh nhất trí. Anh đang làm tại Công ty TNHH PK thu nhập mỗi tháng từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị cùng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị L giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu đã trình bày với Tòa án. Chị xác định trước khi xảy ra việc anh T mang sổ hộ khẩu gia đình đi vay tiền Ngân hàng không hỏi ý chị thì anh chị đã xảy ra mâu thuẫn nhiều lần mà nguyên nhân là do anh T rược chè, cờ bạc. Chị xác định không còn tình cảm với anh T nên xin ly hôn. Sau khi ly hôn chị về quê chị ở Ba Vì nên không muốn mang con theo làm ảnh hưởng sinh hoạt ổn định của các cháu nên chị đề nghị để hai con chung của anh chị cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị L với anh Ngô Văn T.

Về con: Anh chị có hai con chung là: Ngô Bảo T, sinh ngày 25/12/2009 và Ngô Quỳnh A, sinh ngày 23/10/2012. Ly hôn, giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu T và Quỳnh Anh; Ghi nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/ 1 tháng kể từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi các con chung của anh chị thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phùng Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm không giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Phùng Thị L và anh Ngô Văn T: Anh chị tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã NH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội ngày 27/10/2008 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Anh chị cùng thống nhất xác định vợ chồng mâu thuẫn từ tháng 9 năm 2019 và ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh chị cùng thống nhất xác định là do sự bất đồng trong làm ăn, quản lý kinh tế gia đình mà cụ thể là việc vay tiền Ngân hàng anh không bàn bạc với chị. Tuy nhiên về mực độ mâu thuẫn anh chị xác định có sự khác biệt. Chị L cho rằng từ khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng lạnh nhạt, ăn chung nhưng không ngủ chung, không nói chuyện với nhau còn anh T xác định vợ chồng vẫn bình thường, việc ít nói chuyện là do anh ít nói, không phải là do mâu thuẫn. Chị L xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng đoàn tụ. Dù có lời khai xin đoàn tụ nhưng anh T không đưa ra được các biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh xác định bản thân anh và gia đình đã nhiều lần đến gặp chị L và gia đình chị cũng như gia đình chị đã gặp gia đình anh để hòa giải cho vợ chồng về với nhau nhưng đều không có kết quả. Anh đến đón chị L nhiều lần nhưng chị đều không về ở cùng anh. Kết quả xác minh tình trạng mâu thuẫn của anh chị cho thấy quan hệ vợ chồng anh chị đã xảy ra mâu thuẫn như anh chị trình bày. Anh chị đã sống ly thân gần một năm nay, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau. Tuy chính quyền địa phương chưa hòa giải cho anh chị vì chị L đã bỏ về nhà chị ở địa phương khác nhưng gia đình hai bên đã gặp gỡ dàn xếp cho anh chị, bản thân anh T cũng đã nhiều lần đón chị L nhưng chị không về cho thấy quan hệ giữa anh chị đã căng thẳng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị L với anh Ngô Văn T là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Anh chị thống nhất xác định vợ chồng có hai con chung là: Ngô Bảo T, sinh ngày 25/12/2009 và Ngô Quỳnh A, sinh ngày 23/10/2012. Các cháu đều khỏe mạnh, bình thường và trong thời gian anh chị sống ly thân thì các cháu ở cùng anh T.

Ly hôn, anh chị đều thống nhất xác định giao hai cháu T và Quỳnh A cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi các con chung của anh chị thành niên hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, chị Phùng Thị L phải chịu là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị L với anh Ngô Văn T. Chị Phùng Thị L được ly hôn anh Ngô Văn T.

Về con chung: Chị Phùng Thị L và anh Ngô Văn T có hai con chung là: Ngô Bảo T, sinh ngày 25/12/2009 và Ngô Quỳnh A, sinh ngày 23/10/2012. Ly hôn, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu T, Quỳnh A và chị L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng kể từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi các con chung của anh chị thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị Phùng Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản của vợ chồng: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, chị Phùng Thị L chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0015433 ngày 02/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm chị Phùng Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ngô Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- THA dân sự huyện Đông Anh;
- UBND xã NH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (GCN kết hôn số 87 ngày 27/10/2008);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thu Thanh